TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/DS-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà;

2. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh.

- Thư kýphiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2019/QĐXXST-DS ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2019/QĐST-DS ngày 07/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C; trụ sở: Số 169 phố A, phường B, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã D, khu trung tâm hành chính thị xã D, khu phố E, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Tiến S, sinh năm 1969; chúc vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C thị xã D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án của Tổng giám đốc Ngân hàng C).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1977 và ông Trần Văn B, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Tổ 21A, khu phố G, phường K, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

(Ông Trương Tiến S có đơn xin giải quyết vắng mặt; bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng C đã cho bà Nguyễn Thị Kim H vay vốn theo hai chương trình bằng hình thức tín chấp, có giấy ủy quyền nhận nợ của chồng bà H là ông Trần Văn B, cụ thể như sau:

- Ngày 27/12/2010 cho vay số tiền 8.000.000 đồng, chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, mục đích xây dựng công trình nước sạch vệ sinh, lãi suất 0.9%/tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: 6 tháng/lần, số tiền gốc trả nợ mỗi kì 900.000 đồng; trả lãi mỗi tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/5/2018.

- Ngày 21/8/2014 cho vay số tiền 10.000.000 đồng, chương trình giải quyết việc làm; mục đích sửa nhà trọ, lãi suất 0,6% tháng; kỳ hạn trả nợ gốc: 12 tháng/lần, số tiền gốc trả nợ mỗi kì là 3.300.000 đồng; trả lãi mỗi tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 14/01/2019.

Ngày 14/5/2018 và 14/01/2019 lần lượt đến hạn trả nợ gốc 2 chương trình cho vay nêu trên nhưng bà Nguyễn Thị Kim H không trả. Trong quá trình vay, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn là bà Nguyễn Thị Xuân T và Hội nông dân phường K, Ngân hàng C đã làm việc với bà H để đôn đốc trả nợ nhưng bà H không thực hiện đúng cam kết. Sau đó, Ủy ban nhân dân phường K đã nhiều lần mời hộ bà Nguyễn Thị Kim H đến làm việc về nợ quá hạn nhưng hộ bà H vẫn không đến theo thư mời của UBND phường K.

Ngày 14/11/2019, bà H đã trả được một phần nợ gốc và lãi như sau: nợ gốc chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 1.000.000 đồng và tiền lãi 1.147.042 đồng; trả lãi chương trình giải quyết việc làm số tiền 1.020.230 đồng.

Vì những lý do trên, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 26/11/2019 là 16.058.468 đồng, trong đó:

- Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: Nợ gốc 6.000.000 đồng; lãi quá hạn 27.695 đồng (6.000.000 đồng x 0.9% x 130% x 12 tháng : 365 ngày x 12 ngày).

- Chương trình giải quyết việc làm: Nợ gốc 10.000.000 đồng; lãi quá hạn 30.773 đồng (10.000.000 đồng x 0.6% x 130% x 12 tháng : 365 ngày x 12 ngày)

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B trả nợ theo hợp đồng tín dụng; bà H, ông B có nơi cư trú tại tổ 21A, khu phố G, phường K, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyền của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trương Tiến S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Sổ vay vốn; sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và giấy ủy quyền xác định: Ngân hàng C và bà Nguyễn Thị Kim H, ông Trần Văn B có giao kết hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: Số tiền vay là 8.000.000 đồng, mục đích xây dựng công trình nước sạch vệ sinh; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng/ lần với số tiền 900.000 đồng; lãi suất cho vay 0.9%/ tháng, trả lãi hàng tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 14/12/2015. Thực hiện hợp đồng, ngày 27/12/2010 Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền 8.000.000 đồng. Quá trình trả nợ đến tính ngày 14/12/2015 bị đơn thanh toán được tiền nợ gốc 1.000.000 đồng. Ngân hàng đã gia hạn cho bị đơn số tiền 7.000.000 đồng đến ngày 14/5/2018 nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn số tiền trên. Ngày 14/11/2019, bị đơn thanh toán được một phần nợ gốc số tiền 1.000.000 đồng và tiền lãi 1.147.042 đồng.

- Chương trình giải quyết việc làm: Số tiền vay 10.000.000 đồng; mục đích sửa chữa nhà trọ; thời hạn cho vay 36 tháng; lãi suất 0,6% tháng; kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/lần, số tiền gốc trả nợ mỗi kì là 3.300.000 đồng; trả lãi mỗi tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay; hạn trả nợ cuối cùng là ngày

14/8/2017. Thực hiện hợp đồng, ngày 21/8/2014 Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn toàn bộ số tiền vay 10.000.000 đồng. Quá trình trả nợ, Ngân hàng đã gia hạn cho bị đơn trả nợ đến ngày 14/01/2019 nhưng bị đơn vẫn không thanh toán số nợ gốc 10.000.000 đồng, do đó Ngân hàng chuyển nợ quá hạn số tiền trên. Ngày 14/11/2019, bị đơn thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi 1.020.230 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà H và ông B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản phô tô đơn khởi kiện và toàn bộ tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp; đồng thời bị đơn đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/11/2019 là 16.058.468 đồng (trong đó gồm: Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: nợ gốc 6.000.000 đồng và lãi quá hạn 27.695 đồng; Chương trình giải quyết việc làm: Nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi quá hạn 30.773 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B phải trả cho Ngân hàng C số tiền 16.058.468 đồng. Trong đó gồm: Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: Nợ gốc 6.000.000 đồng và lãi quá hạn 27.695 đồng; Chương trình giải quyết việc làm: Nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi quá hạn 30.773 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (hợp đồng được thể hiện tại sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, giấy đề nghị vay vốn).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn B phải chịu 803.000 đồng

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Trang